TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Chấn.

2. Ông Tạ Văn Doanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc: "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 30/5/2017. Sau ngày cưới, chị về nhà anh T làm dâu ngay và chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu,

vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không bảo ban được việc làm ăn, kinh tế gia đình. Anh T thường xuyên sử dụng rượu bia, không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Bị đơn anh Trần Đức T trình bày tại bản tự khai:

Anh và chị Trần Thị N kết hôn trên cở sở tự nguyện, không bị ép buộc gì. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau ngay tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2018 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh và chị Nam đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị Nam xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đức T. Anh Trần Đức T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N: Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Đức T.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết ly hôn với anh Trần Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án theo quy định cho bị đơn anh Trần Đức T. Anh T cũng đã có bản tự khai trình bày với Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Trần Đức T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 30/5/2017. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, không ai còn quan tâm tới ai. Chị Trần Thị N đề nghị giải quyết ly hôn với anh Trần Đức T, anh T đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị N vẫn kiên quyết không muốn về đoàn tụ cùng anh Trần Đức T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Trần Đức T có mâu thuẫn, đã kéo dài một thời gian đến nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đức T đều xác định vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị N anh Trần Đức T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N: Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001857 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Khúc Văn Bằng